

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 8 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Ngô Thị Cần

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị Ng; sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, Thanh Hoá.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Ng (Chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2020, bản tự khai ngày 12/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Quách Thị Ng trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 13/01/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh Thái chơi bời, bỏ bê gia đình, về nhà còn chửi bới, đánh đập vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm ai. Nay chị xét

thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái S, sinh ngày 01/12/2018. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2020 anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh chị Quách Thị Ng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/01/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ, chồng hòa thuận bình thường, đôi khi trong sinh hoạt gia đình có đôi chút xích mích nhưng không đến mức trầm trọng. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh có mong muốn vợ chồng được về đoàn tụ, chung sống cùng nhau chăm lo cho gia đình, con cái.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái S, sinh ngày 01/12/2018. Ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã không tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Quách Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con cái: Giao con chung là cháu Nguyễn Thái S, sinh ngày 01/12/2018 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: chị Ng không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2]. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[4]. Chị Ng vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Ng và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Quách Thị Ng và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/01/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm Luật hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Quách Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[6]. Về con cái: Chị Ng và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thái S, sinh ngày 01/12/2018. Cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của hai bên đương sự là hoàn toàn chính đáng thể hiện trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ đối với con. Nhưng xét hoàn cảnh thực tế cháu S đang còn nhỏ (20 tháng tuổi), rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ, bên cạnh mẹ. Hiện nay cháu S đang ở với chị Ng, chị Ng có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo khả năng phát triển bình thường và điều kiện thuận lợi tốt nhất cho con trẻ. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Ng, giao cháu S cho chị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho trẻ em là cần thiết, anh T có quyền qua lại trông nom chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản: Chị Ng, anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T;

Về con cái: Giao cháu Nguyễn Thái S, sinh ngày 01/12/2018 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Quách Thị Ng phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002721 ngày 07/5/2020. Chị Ng đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Ng và anh T. Chị Ng và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc